

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2018/HS-ST

Ngày: 20-3-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội Đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Bùi Thị Thanh Thủy**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Nguyễn Thị Thu Thảo**

Ông **Phạm Quang Vinh**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hoàng Ngọc Trung Dũng** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông **Vũ Đức Thành** – Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân thành phố Đà Lạt xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 22/TLST-HS ngày 02/02/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2018/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo:

Ya T, sinh năm 1977 tại Lâm Đồng; nơi cư trú: 3x đường D, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Chu ru; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ya L, sinh năm: 1930 (đã chết) và bà Ma P, sinh năm: 1937, nơi cư trú: xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; có 02 con với chị Ma I, sinh năm: 1975 (không đăng ký kết hôn), lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2006; có vợ Đinh Thị Như Q, sinh năm: 1986, có 01 con chung với chị Q sinh năm 2013, nơi cư trú: 3x đường T, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai; tiền sự: không; tiền án: Tại Bản án số 1366/2007/HSST ngày 21/9/2007 của Tòa án phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 5 năm tù về tội: “Lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản”; Bản án số 106/2014/HSST ngày 12/8/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 08 tháng tù về tội:

“Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”; bị bắt ngày 27/2/2017. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đà Lạt. Có mặt.

- Bị hại:

1. Bà Nguyễn Thị Ánh P, sinh năm: 1971, nơi cư trú: số 5x đường P, phường b, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

2. Ông Trần Duy B, sinh năm: 1973, nơi cư trú: số Ax đường T, phường d, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Nguyễn Hoàng A, sinh năm: 1971, địa chỉ: số 2x đường L, phường c, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

2. Ông Đàm Văn Q và bà Nguyễn Thị Đ, nơi cư trú: thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Để có tiền tiêu xài cá nhân, Ya T thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất:

Ngày 27/5/2015, Ya T thuê xe ô tô hiệu Toyota Innova biển số 49A – 106.14 của bà Nguyễn Thị Ánh P từ ngày 27/5/2015 đến ngày 29/5/2015, Ya T nhận xe ô tô và giấy photo công chứng đăng ký xe ô tô, giấy chứng nhận kiểm định, giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc và biên lai thu tiền phí sử dụng đường bộ. Sau đó, Ya T gia hạn hợp đồng thuê xe 2 lần và đã thanh toán tiền đến ngày 21/6/2015. Tuy nhiên từ ngày 21/6/2015, ông Nguyễn Trần Thiên A là chồng bà P nhiều lần liên lạc với Ya T để yêu cầu trả xe và thanh toán số tiền còn lại nhưng Ya T không thực hiện. Do cần tiền để mua hàng đa cấp nên ngày 08/7/2015, Ya T điều khiển xe ô tô Innova biển số 49A – 106.14 đến cầm cố cho ông Đàm Văn Q và bà Nguyễn Thị Đ để lấy số tiền 150.000.000đ. Ông Q hỏi Ya T về nguồn gốc chiếc xe thì Ya T nói mua trả góp hiện còn thiếu của Ngân hàng 50.000.000đ, Ya T viết và giao cho ông Q giấy ủy quyền với nội dung: Ya T ủy quyền cho ông Đàm Văn Q sử dụng một xe ô tô hiệu Toyota Innova biển số 49A – 106.14, số khung 417389004214, số máy 1TR6595886 đi mượn 150.000.000đ cho Ya T, thời hạn là 1 tháng. Sau đó, Ya T đã giao xe và toàn bộ

giấy tờ xe cho ông Q song ông Q chưa giao tiền cho Ya T. Ngày 17/7/2015, trong khi ông Q đang sử dụng chiếc ô tô trên thì bị Công an tỉnh Lâm Đồng tạm giữ theo trình báo của ông Thiên A (chồng bà P).

Tang vật thu giữ: 01 hợp đồng thuê xe tự lái giữa bà Nguyễn Thị Ánh P và Ya T; 01 hợp đồng ủy quyền giữa Ya T và ông Đàm Văn Q ngày 08/7/2015; 01 xe ô tô Innova biển số 49A-106.14; 01 giấy photo đăng ký xe ô tô, 01 giấy chứng nhận kiểm định, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc và 01 biên lai thu tiền phí sử dụng đường bộ; 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu vàng đồng.

Tại kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Đà Lạt xác định xe ô tô Innova biển số 49A – 106.14 trị giá 470.943.000đ.

Tại kết luận giám định số 1519/PC54 ngày 08/7/2016 và số 2866/PC54 ngày 08/11/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng xác định các chữ ký, chữ viết có trong hợp đồng thuê xe tự lái giữa hộ kinh doanh Nguyễn Thị Ánh P và Ya T, giấy ủy quyền giữa Ya T và ông Đàm Văn Q ngày 08/7/2015 và các chữ ký, chữ viết của Ya T do cơ quan điều tra thu thập được là do cùng một người viết, ký ra.

Bị hại bà Nguyễn Thị Ánh P bị chiếm đoạt chiếc xe ô tô hiệu Toyota Innova biển số 49A – 106.14. Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an thành phố Đà Lạt thu giữ và trả lại xe cho bà P, bà P không có yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đàm Văn Q và bà Nguyễn Thị Đ là người nhận cầm cố chiếc xe trên, tuy nhiên ông Q và bà Đ không biết xe trên là do chiếm đoạt mà có.

Vụ thứ hai:

Giữa Ya T với ông Trần Duy B và ông Nguyễn Hoàng A có quen biết với nhau. Đầu tháng 3/2015, Ya T nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của ông B, thực hiện ý định trên, Ya T hẹn gặp ông B, ông A và giới thiệu: mình đang có 3 lô đất ở 3 địa điểm khác nhau tại thành phố Đà Lạt, song do đang làm trong cơ quan Nhà nước nên không tiện đứng tên vì hằng năm phải kê khai tài sản, do vậy Ya T nhờ ông B đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông B chịu chi phí làm giấy tờ là 260.000.000đ (Hai trăm sáu mươi triệu đồng), Nguyễn Hoàng A là cán bộ cục thuế Lâm Đồng nên chịu trách nhiệm lo thủ tục đóng thuế thấp nhất trong việc làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 3 lô đất này, sau khi làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sẽ bán và chia tiền.

Ông B đồng ý với đề nghị của Ya T.

Ngày 03/3/2015, ông B đến nhà của Ya T tại số 3x đường D, phường đ, thành phố Đ, Ya T đưa cho ông B 01 tờ giấy thỏa thuận (không có chữ ký) ghi nội dung như thỏa thuận từ trước giữa ông B, ông A và Ya T về 3 lô đất gồm: diện tích 107m² đất xây dựng, thuộc thửa 432, tờ bản đồ quy hoạch số 3 khu quy hoạch Hàn Thuyên, phường 5, thành phố Đà Lạt; 98m² đất xây dựng, thuộc thửa số 7942, tờ bản đồ số 107, phường 2, thành phố Đà Lạt; 109m² đất xây dựng, thuộc thửa số 9713, tờ bản đồ số 54, phường 5, thành phố Đà Lạt. Ông B viết lại giấy thỏa thuận trên thành 3 bản, đến chiều ngày 5/3/2015, ông B, ông A và Ya T gặp nhau tại quán cà phê P, đường T, phường d, thành phố Đà Lạt, Ya T, ông B và ông A ký vào giấy thỏa thuận, đồng thời ông B đưa cho Ya T 30.000.000đ là 1 phần tiền theo thỏa thuận.

Ngày 19/3/2015, Ya T làm giả 1 biên bản xác minh ranh giới, hiện trạng sử dụng đất của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Lạt, làm giả chữ ký và con dấu của UBND phường 2 và UBND phường 5 thành phố Đà Lạt đối với 3 lô đất trên. Ya T gọi ông B đến ký xác nhận vào tờ biên bản mà Ya T đã làm giả để ông B tin rằng Ya T đang làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 3 lô đất trên. Ông B photo lại tờ biên bản này và đưa lại bản chính cho Ya T. Ngày 01/4/2015, ông B tiếp tục đưa cho Ya T 25.000.000đ, Ya T ký nhận tiền.

Do không thấy Ya T tiếp tục làm thủ tục như thỏa thuận, ông B gọi điện thoại cho ông A và Ya T nhưng không ai nghe máy. Do đó, ông B đến UBND thành phố Đà Lạt tìm hiểu thì phát hiện những giấy tờ Ya T đưa cho ông đều là giả và các thửa đất trong giấy thỏa thuận là không có.

Tại kết luận giám định số 2866/PC54 ngày 08/11/2016 và số 55/PC54 ngày 06/1/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng xác định: Các chữ ký, chữ viết mang tên Ya T trong giấy thỏa thuận (không có chữ ký), trong giấy thỏa thuận đã ký tên ngày 05/3/2015, giấy nhận tiền đợt 2 ngày 01/4/2015 mang tên Ya T và chữ viết, chữ ký của Ya T có trong các tài liệu chứng cứ do Cơ quan điều tra thu thập được là do cùng một người viết, ký ra; Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Hoàng A trong giấy thỏa thuận đã ký tên ngày 05/3/2015 và chữ viết, chữ ký của Nguyễn Hoàng A có trong các tài liệu chứng cứ do Cơ quan điều tra thu thập được là không phải do cùng một người viết, ký ra.

Vật chứng gồm: 01 giấy thỏa thuận (không đề ngày) giữa 3 người có tên

Ya T, Trần Duy B và Nguyễn Hoàng A nhưng không có chữ ký; 01 giấy thỏa thuận ngày 05/3/2015 giữa 3 người có tên Ya T, Trần Duy B và Nguyễn Hoàng A, có chữ ký mang tên 3 người; 01 giấy nhận tiền đợt 2 ghi ngày 01/4/2015 có chữ ký mang tên Ya T.

Bị hại ông Trần Duy B bị Ya T chiếm đoạt tổng cộng là 55.000.000đ. Ông B yêu cầu Ya T phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng A xác định ông không biết các thửa đất ghi trong thỏa thuận và cũng không ký vào giấy thỏa thuận.

Tại bản cáo trạng số 23/CT-VKS ngày 30/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt truy tố bị cáo Ya T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c, e khoản 2 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, bị cáo Ya T khai nhận trong năm 2015 đã thực hiện 2 lần chiếm đoạt tài sản: lần thứ nhất: sau khi hết hợp đồng thuê xe ô tô hiệu Toyota Innova biển số 49A – 106.14 của bà P bị cáo không trả xe mà đem cầm cố cho ông Q, bà Đ; lần thứ hai: bằng thủ đoạn gian dối cho rằng mình có ba lô đất tại thành phố Đà Lạt nên đã lừa ông B đưa 55.000.000đ làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng thực tế không có ba lô đất này và chiếm đoạt luôn số tiền ông B đã đưa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt giữ nguyên cáo trạng truy tố bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng điểm a khoản 3 Điều 175, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo từ 6 đến 7 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo từ 4 đến 5 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” . Trả lại cho bị cáo 1 điện thoại di động hiệu samsung màu vàng đồng. Buộc bị cáo bồi thường cho ông B 55.000.000đ là số tiền đã chiếm đoạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được

tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản xác minh, biên bản tạm giữ tang vật, vật chứng và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy rằng:

Về hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản: ngày 27/5/2015, bị cáo thuê xe ô tô hiệu Toyota Innova biển số 49A – 106.14 của bà Nguyễn Thị Ánh P, sau khi hết hợp đồng thuê xe bị cáo không trả xe mà nảy sinh ý định chiếm đoạt bằng cách cầm cố xe cho ông Q – bà Đ để lấy số tiền 150.000.000đ, bị cáo đã có hành vi cầm cố và giao xe cùng giấy tờ xe cho ông Q, bà Đ, việc bị cáo chưa nhận được số tiền từ việc cầm cố xe là ngoài ý muốn của bị cáo mà thôi. Tại kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng thành phố Đà Lạt xác định xe ô tô hiệu Toyota Innova biển số 49A – 106.14 có trị giá 470.943.000đ. Do đó, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, căn cứ điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự; khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 về áp dụng nguyên tắc có lợi cho người phạm tội thì: khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 có mức phạt tù từ 05 năm đến 12 năm nhẹ hơn khoản 3 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 có mức phạt tù từ 7 năm đến 15 năm. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt truy tố bị cáo về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản: bị cáo có ý định chiếm đoạt tài sản của ông Trần Duy B, bằng thủ đoạn gian dối, mặc dù bị cáo không có 3 lô đất tại

phường 2 và phường 5 thành phố Đà Lạt. Song bị cáo nói với ông B rằng mình có 3 lô đất ở 3 địa điểm khác nhau tại phường 2 và phường 5 thành phố Đà Lạt nhưng do đang công tác trong cơ quan Nhà nước nên không tiện đứng tên, vì vậy thỏa thuận ông B đứng tên quyền sử dụng đất và chịu chi phí làm giấy tờ 260.000.000đ, sau khi có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sẽ bán và chia tiền cho các bên. Bị cáo đã làm giấy thỏa thuận và làm giả biên bản xác minh ranh giới hiện trạng sử dụng đất của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Lạt, làm giả chữ ký và con dấu của Ủy ban nhân dân phường 2 và phường 5 đối với 3 lô đất trên để ông Bảo ký vào và tin tưởng bị cáo đang làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông B đã đưa tiền cho bị cáo hai lần vào ngày 05/3/2015 và ngày 01/4/2015, tổng cộng là 55.000.000đ. Mặc khác, tại Bản án số 1366/2007/HSST ngày 21/9/2007 của Tòa án phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 5 năm tù về tội: “Lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản”; Bản án số 106/2014/HSST ngày 12/8/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xử phạt bị cáo 08 tháng tù về tội: “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức” nên xác định là tái phạm nay bị cáo lại tiếp tục phạm tội là tái phạm nguy hiểm. Do đó, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Căn cứ khoản 1 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Tội phạm và hình phạt đối với bị cáo được quy định tại điểm c, e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của chủ sở hữu được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh buôn bán bình thường của bà P, làm ảnh hưởng xấu đến uy tín của cơ quan quản lý Nhà nước về quản lý đất đai, cần có một mức án nghiêm khắc, phù hợp với hành vi bị cáo gây ra nhất thiết tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng: bị cáo đã tái phạm nhưng chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý nên được coi là tái phạm nguy hiểm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với tội “Lạm dụng tín nhiệm

chiếm đoạt tài sản”. Về tình tiết giảm nhẹ: quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xét hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ để có một mức hình phạt cho bị cáo.

[4] Do bị cáo phạm nhiều tội và xét xử cùng lần nên áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo.

[5] Về hành vi làm giả chữ ký và con dấu của Ủy ban nhân dân phường 2 và phường 5 trong biên bản xác minh ranh giới hiện trạng sử dụng đất của phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Lạt. Cơ quan Điều tra không thu thập được bản chính nên không có căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự đối với bị cáo về hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức.

[6] Ông Nguyễn Hoàng A là người mà ông B và Ya T cho rằng có tham gia thỏa thuận làm thủ tục đứng tên quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, Ya T xác định ông A không biết 3 lô đất ghi trong giấy thỏa thuận là không có thật, ông A không thừa nhận đã tham gia và không ký vào giấy thỏa thuận, tại kết luận giám định số 2866/PC54 ngày 08/11/2016 và số 55/PC54 ngày 06/1/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng xác định chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Hoàng A trong giấy thỏa thuận đã ký tên ngày 05/3/2015 và chữ viết, chữ ký của Nguyễn Hoàng A có trong các tài liệu chứng cứ do Cơ quan điều tra thu thập được là không phải do cùng một người viết, ký ra; Ông Q, bà Đ là người nhận cầm cố xe ô tô nhưng khi nhận cầm cố không biết tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên không xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông A, ông Q, bà Đ là có căn cứ.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt là xe ô tô hiệu Toyota Innova biển số 49A – 106.14 đã được thu giữ hoàn trả cho bị hại là bà P, bà P không có yêu cầu gì thêm đối với bị cáo nên không xem xét. Đối với số tiền 55.000.000đ bị cáo chiếm đoạt của bị hại là ông B đến nay chưa bồi thường, căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho ông B số tiền này là phù hợp.

[8] Xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ: 01 giấy thỏa thuận (không

đề ngày) giữa 3 người có tên Ya T, Trần Duy B và Nguyễn Hoàng A nhưng không có chữ ký; 01 giấy thỏa thuận ngày 05/3/2015 giữa 3 người có tên Ya T, Trần Duy B và Nguyễn Hoàng A, có chữ ký mang tên 3 người; 01 giấy nhận tiền đợt 2 ghi ngày 01/4/015 có chữ ký mang tên Ya T, xét các giấy tờ nêu trên là tài liệu chứng cứ nên lưu vào hồ sơ vụ án. Đối với 01 điện thoại hiệu Samsung màu vàng đồng, model: SM-J710FN/DS, số IMEI 359752/07/172507/4, 359753/07/172507/2 là tài sản cá nhân, không liên quan đến vụ án nên hoàn trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[9] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Ya T phạm các tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 3 Điều 175, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội. Xử phạt bị cáo Ya T 06 (sáu) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”;

Áp dụng điểm c, e khoản 2 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Ya T 04 (bốn) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tổng hợp hình phạt chung cho cả 2 tội là 10 (mười) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 27/02/2017.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Ya T phải bồi thường cho ông Trần Duy B số tiền 55.000.000đ (Năm mươi lăm triệu đồng)

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền

phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự .

3. Xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Hoàn trả lại cho bị cáo Ya T 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu vàng đồng, model: SM-J710FN/DS, số IMEI 359752/07/172507/4, 359753/07/172507/2 nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án. *(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/01/2018 giữa Công an thành phố Đà Lạt và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt)*

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Ya T phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và 2.750.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tp Đà Lạt;
- Chi cục THADS tp. Đà Lạt;
- Sở tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- Công an tp. Đà Lạt;
- Bị cáo;
- Bị hại, người có QLNVLQ;
- Lưu AV - HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thanh Thủy

